

Số/No.: 25051100-2/KQ  
Trang/ Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505887/KG  
Mã số mẫu/ : 25053562  
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC HÀ LAN

Địa chỉ/ Address : Khu phố Tân Xuân, Thị trấn Cần Giuộc, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 28/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 21/05/2025 – 27/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SAU XỬ LÝ NHÀ MÁY TRƯỜNG BÌNH - TRƯỜNG MẪU GIÁO THUẬN THÀNH

Tình trạng mẫu/ State of sample :  
- Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
- Mẫu nước sạch đựng trong chai nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC  
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No: 25051100-2/KQ  
Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505887/KG  
Mã số mẫu/ : 25053562  
Sample Code

| STT<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM<br>PARAMETERS | ĐƠN VỊ<br>UNIT | PHƯƠNG PHÁP THỬ<br>TEST METHOD             | KẾT QUẢ<br>RESULT      | QCĐP<br>01:2022/LA     |
|------------|-----------------------------------|----------------|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 1          | Coliform                          | CFU/100mL      | TCVN 6187-1:2019 (*)                       | <1                     | <3                     |
| 2          | E.coli                            | CFU/100mL      | TCVN 6187-1:2019 (*)                       | <1                     | <1                     |
| 3          | Asen (As)                         | mg/L           | SMEWW 3030A,E:2023 (*)<br>SMEWW 3113B:2023 | KPH<br>(LOD=0,002)     | 0,01                   |
| 4          | Clo dư (Cl <sub>2</sub> )         | mg/L           | SMEWW<br>4500-Cl <sub>2</sub> .B:2023 (*)  | 0,32                   | 0,2 - 1,0              |
| 5          | Độ đục                            | NTU            | SMEWW 2130B:2023 (*)                       | KPH<br>(LOD=0,15)      | 2                      |
| 6          | Màu sắc                           | TCU            | SMEWW 2120C:2023 (*)                       | KPH<br>(LOD=3,0)       | 15                     |
| 7          | Mùi, vị                           | -              | Ref. TCVN 2653:1978                        | Không có mùi,<br>vị lạ | Không có mùi,<br>vị lạ |
| 8          | pH                                | -              | TCVN 6492:2011 (*)                         | 6,96                   | 6,0 – 8,5              |

Ghi chú: (\*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (\*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2022/LA - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Long An.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2022/LA - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Long An/ The results have the test criteria that meet the Local technical regulation on Domestic Water Quality in Long An Province